

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: **Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam**

Mã chứng khoán: TYA

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251-3836361-4

Fax: 0251-3836388

Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thin Pau

Chức vụ: Trưởng phòng quản lý chứng khoán

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24 giờ theo yêu cầu:

Nội dung thông tin công bố:

Giải trình và báo cáo tài chính kiểm toán tổng hợp và Trụ sở chính năm 2017 Taya.

Toàn bộ nội dung CBTT này được đăng tải trên Website của công ty từ ngày 16 tháng 03 năm 2018 tại đường link:

<https://drive.google.com/file/d/11XzbtY73ah-uzFt7GhCPS0VXUYX7TNLI/view?usp=sharing>

<https://drive.google.com/file/d/14V4Ywkhd87sioSTptJBqTEmhJ1gzaf2X/view?usp=sharing>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu vp

Người CBTT được ủy quyền



LINH THIN PAU

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM

Tên công ty : Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Trụ sở chính : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
Điện thoại : 0251-3836361-4 Fax : 0251-3836388
Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thịn Pau
Địa chỉ : Số 1, đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
Điện thoại : 0251-3836361-4, 01695999025 Fax: 0251-3836388

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam giải trình kết quả báo cáo kiểm toán tổng hợp năm 2017 doanh thu tăng 20.60%, lợi nhuận sau thuế tăng 46.37% so với năm 2016 và số liệu chênh lệch so với báo cáo trước kiểm toán như sau:

So sánh kết quả kinh doanh (Tổng hợp):

DVT: VNĐ

Nội dung	Năm 2017	Năm 2016	Tăng/giảm	Tăng/giảm %
Doanh thu thuần	1,556,945,003,474	1,291,029,542,245	265,915,461,229	20.60%
Giá vốn hàng bán	1,415,645,494,294	1,179,055,749,833	236,589,744,461	20.07%
Lợi nhuận gộp	141,299,509,180	111,973,792,412	29,325,716,768	26.19%
Chi phí tài chính	12,514,894,933	10,764,116,218	1,750,778,715	16.26%
Lợi nhuận từ HĐKD	85,683,578,518	61,834,815,846	23,848,762,672	38.57%
Lợi nhuận sau thuế	71,427,831,140	48,798,773,695	22,629,057,445	46.37%

I. Giải trình nguyên nhân lợi nhuận tăng trên 10%: (Tổng hợp)

So với năm 2016 doanh thu năm 2017 tổng hợp công ty tăng 20.60% đạt khoảng 1,556.9 tỷ đồng. Chủ yếu do giá nguyên liệu đồng thế giới Lme bình quân năm 2017 gia tăng khoảng USD1,299.5/T so với năm 2016 và thuận lợi trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt khoảng 71.4 tỷ đồng tăng 46.37% so với mức 48.7 tỷ đồng của năm 2016.

II. Giải trình chênh lệch số liệu trước và sau báo cáo kiểm toán:

Bảng cân đối kế toán:

- Kiểm toán phân loại lại phải thu ngắn hạn khách hàng (131) 263,282,633,337 phát sinh chênh lệch 46,170,425,223 ảnh hưởng các khoản phải thu ngắn hạn (130) điều chỉnh thành 264,573,424,069. đồng thời làm ảnh hưởng người mua trả tiền trước (312) điều chỉnh thành 16,510,367,135 phát sinh chênh lệch 46,170,425,223 làm ảnh hưởng nợ ngắn hạn(310) điều chỉnh thành 409,369,791,779.
- Kiểm toán phân loại lại phải thu khác(136) 699,230,974 phát sinh chênh lệch 200,339,916 làm ảnh hưởng thuế phải thu nhà nước(153)điều chỉnh thành 255,215,616 đồng thời ảnh hưởng tài sản ngắn hạn khác (155) điều chỉnh thành 277,978,000 phát sinh chênh lệch 54,875,700 (200,339,916+54,875,700=255,215,616)
- Kiểm toán điều chỉnh hàng tồn kho (141) 313,636,987,381 và phải trả người bán (311) 153,437,714,229 phát sinh chênh lệch 24,030,674,016 cân trừ nhau.

4. Kiểm toán điều chỉnh thuế phải nộp nhà nước(313) 2,843,853,326 phát sinh chênh lệch 623,481,849 là số chênh lệch của LNST chưa phân phối năm nay (421b) được điều chỉnh 678,076,224 trừ đi số chênh lệch của TSTTN hoãn lại (262) 54,593,875 trừ đi chênh lệch số lẻ 500 của giá trị hao mòn lũy kế (223).
5. Kiểm toán điều chỉnh GTHM lũy kế (223) chênh lệch số lẻ 500 làm điều chỉnh TSCĐ hữu hình (221)97,044,401,581.
6. Kiểm toán điều chỉnh chi phí thuế thu nhập hoãn lại (262)396,350,190 phát sinh chênh lệch 54,593,875 làm thay đổi lợi nhuận sau thuế thành 71,427,831,140.
7. Do phân loại lại và điều chỉnh các số liệu trên làm ảnh hưởng thay đổi vốn chủ sở hữu thành 467,519,953,843.

Bảng kế quả hoạt động kinh doanh:

1. Kiểm toán điều chỉnh giá vốn 1,415,645,494,294 phát sinh chênh lệch số lẻ 500 là số chênh lệch điều chỉnh khấu hao tài sản cố định hữu hình.
2. Kiểm toán phân loại lại thu nhập HĐTC (515) 12,206,379,528 và chi phí tài chính (635) 12,514,894,933 phát sinh chênh lệch 2,148,188,247 cân trừ nhau.
3. Do phân loại lại và điều chỉnh các số liệu trên làm ảnh hưởng thay đổi chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế.

Bảng lưu chuyển tiền tệ:

Do kết quả điều chỉnh và phân loại lại bảng CĐKT và KQHĐKD nêu trên ảnh hưởng làm thay đổi trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nhưng không làm thay đổi số liệu tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ.

Công ty cam kết nội dung giải trình trên đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người thực hiện công bố thông tin



Linh Thin Pau



Tổng Giám Đốc



Wang Ting Shu



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya
(Việt Nam)**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCND C1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-DN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-DN	ngày 23 tháng 6 năm 2003	
414/GPĐC3-BKH-KCN-DN	ngày 7 tháng 5 năm 2004	
414/GCND C2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007	
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp		

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp		

Các Giấy phép Đầu tư và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Ting Shu	Thành viên
	Ông Tsai Chung Cheng	Thành viên
	Ông Tu Ting Jui	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Wang Ting Shu	Tổng Giám đốc
	Ông Hsu Ching Yao	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Khu Công nghiệp Biên Hòa II
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Chi nhánh Xã Cẩm Điền
Huyện Cẩm Giàng
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 12 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-294/02




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc


Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		768.009.533.794	608.400.552.029
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	173.787.212.638	194.077.470.840
Tiền	111		30.822.212.638	30.682.470.840
Các khoản tương đương tiền	112		142.965.000.000	163.395.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	40.800.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	40.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.573.424.069	186.414.426.161
Phải thu của khách hàng	131	5	263.282.633.337	186.144.063.171
Trả trước cho người bán	132		1.740.485.970	282.512.420
Phải thu khác	136		699.230.974	1.435.743.858
Dự phòng phải thu khó đòi	137	5	(1.148.926.212)	(1.447.893.288)
Hàng tồn kho	140	6	312.650.564.322	178.597.770.283
Hàng tồn kho	141		313.636.987.381	180.896.827.158
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(986.423.059)	(2.299.056.875)
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.998.332.765	8.510.884.745
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10(a)	1.453.605.138	1.109.532.934
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	13(a)	15.011.534.011	6.559.010.620
Thuế phải thu Nhà nước	153	13(b)	255.215.616	226.488.693
Tài sản ngắn hạn khác	155		277.978.000	615.852.498
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		108.880.211.828	108.967.772.315
Tài sản cố định	220		97.470.262.381	95.704.429.079
Tài sản cố định hữu hình	221	7	97.044.401.581	95.628.829.079
Nguyên giá	222		467.726.291.958	457.577.708.786
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(370.681.890.377)	(361.948.879.707)
Tài sản cố định vô hình	227	8	425.860.800	75.600.000
Nguyên giá	228		1.000.078.800	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(574.218.000)	(491.400.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.318.564.605	8.815.448.752
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	8.318.564.605	8.815.448.752
Tài sản dài hạn khác	260		3.091.384.842	4.447.894.484
Chi phí trả trước dài hạn	261	10(b)	2.695.034.652	3.084.418.582
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	396.350.190	1.363.475.902
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		876.889.745.622	717.368.324.344

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		409.369.791.779	283.215.134.512
Nợ ngắn hạn	310		409.369.791.779	283.215.134.512
Phải trả người bán	311	12	153.437.714.229	94.485.239.681
Người mua trả tiền trước	312		16.510.367.135	10.977.011.759
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13(c)	2.843.853.326	931.735.136
Phải trả người lao động	314		8.319.643.959	7.910.757.520
Chi phí phải trả	315	14	1.624.078.169	1.128.063.392
Phải trả khác	319		229.705.353	177.327.024
Vay ngắn hạn	320	15	226.404.429.608	167.605.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		467.519.953.843	434.153.189.832
Vốn chủ sở hữu	410	16	467.519.953.843	434.153.189.832
Vốn cổ phần	411	17	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	17	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	19	45.058.840.578	37.739.024.524
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		115.834.502.628	89.787.554.671
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		44.406.671.488	40.988.780.976
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		71.427.831.140	48.798.773.695
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		876.889.745.622	717.368.324.344

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Su Yu Chun
 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu
 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.556.964.805.274	1.291.313.573.115
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	19.801.800	284.030.870
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	1.556.945.003.474	1.291.029.542.245
Giá vốn hàng bán	11	22	1.415.645.494.294	1.179.055.749.833
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		141.299.509.180	111.973.792.412
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	12.206.379.528	14.757.630.636
Chi phí tài chính	22	24	12.514.894.933	10.764.116.218
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.127.137.819	5.563.426.244
Chi phí bán hàng	25		24.363.717.799	23.447.037.187
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		30.943.697.458	30.685.453.797
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		85.683.578.518	61.834.815.846
Thu nhập khác	31	25	2.404.830.935	34.378.302
Chi phí khác	32		753.610.884	751.458.863
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.651.220.051	(717.080.561)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		87.334.798.569	61.117.735.285
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	14.939.841.717	12.426.194.433
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	27	967.125.712	(107.232.843)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		71.427.831.140	48.798.773.695
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.328	1.591

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Su Yu Chun
Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		87.334.798.569	61.117.735.285
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		16.311.224.090	17.334.610.387
Các khoản dự phòng	03		(1.312.633.816)	1.379.698.920
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		116.697.015	893.991.498
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(622.363.637)	(15.500.000)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(8.056.936.340)	(10.732.141.897)
Chi phí lãi vay	06		8.127.137.819	5.563.426.244
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		101.897.923.700	75.541.820.437
Biến động các khoản phải thu	09		(86.820.888.615)	36.326.274.534
Biến động hàng tồn kho	10		(132.740.160.223)	20.018.539.693
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		65.366.642.722	(76.550.877.140)
Biến động chi phí trả trước	12		45.311.726	74.236.908
			(52.251.170.690)	55.409.994.432
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.770.511.316)	(5.565.441.101)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.494.896.795)	(19.710.499.790)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.244.368.729)	(1.593.734.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(74.760.947.530)	28.540.319.121

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(17.580.173.245)	(16.870.412.478)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	22	622.363.637	15.500.000
Tiền chi gửi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23	(30.000.000.000)	(40.800.000.000)
Tiền thu từ rút các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24	70.800.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	8.485.143.863	9.988.426.262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	32.327.334.255	(47.666.486.216)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	720.521.587.862	416.931.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(661.538.038.960)	(438.279.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(36.816.698.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	22.166.850.502	(21.348.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(20.266.762.773)	(40.474.167.095)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	194.077.470.840	234.551.637.935
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(23.495.429)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	173.787.212.638	194.077.470.840

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Su Yu Chun
 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu

 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-DN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 445 nhân viên (1/1/2017: 442 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Phí hội viên câu lạc bộ golf*

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị của khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là kinh doanh, sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	655.104.600	1.189.777.100
Tiền gửi ngân hàng	30.167.108.038	29.492.693.740
Các khoản tương đương tiền	142.965.000.000	163.395.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	173.787.212.638	194.077.470.840

5. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Điện tử Nec Tokin Việt Nam	37.006.554.332	27.059.037.284
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	50.394.780.301	26.218.479.533
Các khách hàng khác	175.881.298.704	132.866.546.354
	<hr/>	<hr/>
	263.282.633.337	186.144.063.171

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.447.893.288	1.496.573.288
Tăng dự phòng trong năm	-	21.320.000
Sử dụng dự phòng trong năm	(298.967.076)	(70.000.000)
Số dư cuối năm	1.148.926.212	1.447.893.288

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	42.645.980.160	-	59.101.823.176	-
Nguyên vật liệu	62.890.204.635	(164.759.468)	27.398.970.829	-
Sản phẩm dở dang	45.084.630.352	(265.656.583)	4.867.319.073	(130.314.902)
Thành phẩm	163.016.172.234	(556.007.008)	89.528.714.080	(2.168.741.973)
Tổng cộng	313.636.987.381	(986.423.059)	180.896.827.158	(2.299.056.875)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.299.056.875	940.677.955
Tăng dự phòng trong năm	524.183.411	2.614.995.048
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.836.817.227)	(1.256.616.128)
Số dư cuối năm	986.423.059	2.299.056.875

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 0,12 tỷ VND (1/1/2017: 27,54 tỷ VND) thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	145.764.351.136	289.444.268.456	11.573.666.809	3.595.325.789	7.200.096.596	457.577.708.786
Tăng trong năm	-	1.006.000.000	1.175.014.546	92.727.273	-	2.273.741.819
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	71.897.945	12.297.915.918	2.766.616.364	-	233.806.546	15.370.236.773
Thanh lý	-	(5.564.557.905)	(1.833.193.829)	-	-	(7.397.751.734)
Xóa sổ	(97.643.686)	-	-	-	-	(97.643.686)
Số dư cuối năm	145.738.605.395	297.183.626.469	13.682.103.890	3.688.053.062	7.433.903.142	467.726.291.958
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	89.442.585.386	254.068.545.720	8.250.533.011	3.283.417.685	6.903.797.905	361.948.879.707
Khấu hao trong năm	4.785.076.926	10.360.814.464	866.562.392	108.571.464	107.380.844	16.228.406.090
Thanh lý	-	(5.564.557.905)	(1.833.193.829)	-	-	(7.397.751.734)
Xóa sổ	(97.643.686)	-	-	-	-	(97.643.686)
Số dư cuối năm	94.130.018.626	258.864.802.279	7.283.901.574	3.391.989.149	7.011.178.749	370.681.890.377
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	56.321.765.750	35.375.722.736	3.323.133.798	311.908.104	296.298.691	95.628.829.079
Số dư cuối năm	51.608.586.769	38.318.824.190	6.398.202.316	296.063.913	422.724.393	97.044.401.581

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 266,68 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 223,89 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	567.000.000
Tăng trong năm	433.078.800
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.000.078.800
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	491.400.000
Khấu hao trong năm	82.818.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	574.218.000
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	75.600.000
Số dư cuối năm	425.860.800
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 0,567 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	8.815.448.752	7.467.834.491
Tăng trong năm	14.873.352.626	12.855.608.905
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(15.370.236.773)	(11.507.994.644)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.318.564.605	8.815.448.752
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công cụ và dụng cụ	757.724.710	874.667.532
Đồng phục	259.966.900	90.000.000
Chi phí khác	435.913.528	144.865.402
	1.453.605.138	1.109.532.934

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.481.757.931	1.602.660.651	3.084.418.582
Tăng trong năm	-	592.192.265	592.192.265
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(924.727.635)	(981.576.195)
	1.424.909.371	1.270.125.281	2.695.034.652

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả) được ghi nhận cho các khoản mục như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản cố định	163.751.643	578.443.797
Dự phòng phải thu khó đòi	167.861.732	167.861.732
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	64.736.815	213.428.726
Doanh thu chưa thực hiện	-	(123.709.856)
Chi phí phải trả và dự phòng	-	527.451.503
	396.350.190	1.363.475.902

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. – một bên liên quan	137.626.208.052	137.626.208.052	78.857.986.372	78.857.986.372
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam) – một bên liên quan	70.896.280	70.896.280	44.404.690	44.404.690
Các nhà cung cấp khác	15.740.609.897	15.740.609.897	15.582.848.619	15.582.848.619
	153.437.714.229	153.437.714.229	94.485.239.681	94.485.239.681

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày hóa đơn.

13. Thuế

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cấn trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.559.010.620	152.860.678.344	(29.409.574.527)	(114.998.580.426)	15.011.534.011

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Cấn trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	226.488.693	-	(226.488.693)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	255.215.616	-	255.215.616
	226.488.693	255.215.616	(226.488.693)	255.215.616

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	197.278.679.785	(81.422.001.293)	(114.998.580.426)	858.098.066
Thuế thu nhập doanh nghiệp	264.955.110	14.939.841.717	(13.494.896.795)	(226.488.693)	1.483.411.339
Thuế thu nhập cá nhân	666.780.026	2.288.381.630	(2.452.817.735)	-	502.343.921
	<u>931.735.136</u>	<u>214.506.903.132</u>	<u>(97.369.715.823)</u>	<u>(115.225.069.119)</u>	<u>2.843.853.326</u>

14. Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	557.614.044	200.987.541
Chi phí dịch vụ chuyên môn	956.199.999	82.781.352
Chi phí khác	110.264.126	844.294.499
	<u>1.624.078.169</u>	<u>1.128.063.392</u>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm			31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	167.605.000.000	167.605.000.000	720.521.587.862	(661.538.038.960)	(184.119.294)	226.404.429.608	226.404.429.608

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 2%	68.655.000.000	63.798.000.000
Ngân hàng SinoPac Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	53.800.000.000	50.506.500.000
Ngân hàng Mega International Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6,2 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1%	53.604.984.100	-
Ngân hàng CTBC Bank Co., Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	33.500.000.000	18.228.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (b)	1,5 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1%	10.020.945.508	11.392.500.000
Ngân hàng First Commercial Bank Co., Ltd, Chi nhánh Hà Nội (a)	2,25 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1.2%	6.823.500.000	-
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Anping (a)	2,5 triệu USD	LIBOR + 1,5%	-	13.680.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Đồng Nai (b)	65 tỷ VND	4,9% và có thể điều chỉnh cho từng giao dịch	-	10.000.000.000
			226.404.429.608	167.605.000.000

- a. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
b. Các khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	279.013.770.637	(272.840.000)	28.364.116.167	79.843.103.753	386.948.150.557
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.374.908.357	(9.374.908.357)	-
Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.593.734.420)	(1.593.734.420)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	48.798.773.695	48.798.773.695
Chia cổ tức thông qua việc phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 18)	27.885.680.000	-	-	(27.885.680.000)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	306.899.450.637	(272.840.000)	37.739.024.524	89.787.554.671	434.153.189.832
Phân bổ vào quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	7.319.816.054	(7.319.816.054)	-
Phân bổ chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.244.368.729)	(1.244.368.729)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	71.427.831.140	71.427.831.140
Chia cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	-	(36.816.698.400)	(36.816.698.400)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	306.899.450.637	(272.840.000)	45.058.840.578	115.834.502.628	467.519.953.843

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

18. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 12 tháng 4 năm 2017 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền với tổng số tiền là 36.817 triệu VND (1.200 VND một cổ phiếu) (2016: 27.886 triệu VND bằng cách phát hành 2.788.568 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND một cổ phiếu cho 2.404 cổ đông hiện hữu).

19. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.054.605.323	4.329.658.481
Trong vòng hai đến năm năm	14.926.553.790	16.731.421.422
Trên năm năm	67.251.941.523	76.378.008.164
	<hr/>	<hr/>
	86.233.100.636	97.439.088.067
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	136.772	3.100.862.358	511.745	11.624.588.924
		<hr/>		<hr/>

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2017	2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.546.852.588.596	1.283.378.592.218
▪ Bán hàng hóa	415.495.868	408.796.697
▪ Bán phế liệu	8.908.491.970	6.724.848.200
▪ Cung cấp dịch vụ	788.228.840	801.336.000
	<hr/>	<hr/>
	1.556.964.805.274	1.291.313.573.115
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(19.801.800)	(284.030.870)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.556.945.003.474	1.291.029.542.245
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Giá vốn hàng bán**

	2017	2016
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.416.467.649.204	1.177.213.724.948
▪ Hàng hóa đã bán	337.222.631	321.910.937
▪ Dịch vụ đã cung cấp	153.256.275	161.735.028
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.312.633.816)	1.358.378.920
	<hr/>	<hr/>
	1.415.645.494.294	1.179.055.749.833
	<hr/>	<hr/>

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.056.936.340	10.732.141.897
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.149.443.188	4.025.488.739
	<hr/>	<hr/>
	12.206.379.528	14.757.630.636
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.127.137.819	5.563.426.244
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.387.757.114	5.200.689.974
	<hr/>	<hr/>
	12.514.894.933	10.764.116.218
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Khoản bồi thường từ nhà cung cấp	1.768.492.962	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	622.363.637	15.500.000
Thu nhập khác	13.974.336	18.878.302
	<hr/> 2.404.830.935	<hr/> 34.378.302

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.422.486.117.614	1.077.129.275.247
Chi phí nhân công và nhân viên	63.889.766.889	63.306.203.204
Chi phí khấu hao	16.311.224.090	17.334.610.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.247.036.059	44.273.776.623
Chi phí khác	37.074.487.285	21.328.341.272
	<hr/> 1.588.998.691.737	<hr/> 1.223.342.426.733

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	14.932.805.742	11.790.727.929
Dự phòng thiếu trong những năm trước	7.035.975	635.466.504
	14.939.841.717	12.426.194.433
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	967.125.712	(107.232.843)
	15.906.967.429	12.318.961.590

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	87.334.798.569	61.117.735.285
	13.100.219.785	9.167.660.293
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	847.642.806	1.398.526.425
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	717.440.287	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho Chi nhánh	1.229.863.212	1.117.308.368
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.765.364	-
Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	7.035.975	635.466.504
Dự phòng thiếu trong những năm trước	7.035.975	635.466.504
	15.906.967.429	12.318.961.590

(c) Thuế suất áp dụng*Trụ sở chính*

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Các ưu đãi thuế trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng do Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi nhánh

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Chi nhánh, Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong 4 năm từ năm 2006 đến năm 2009 và giảm 50% thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo từ năm 2010 đến năm 2013. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016 trở đi.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trong năm	71.427.831.140	48.798.773.695

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017 VND	2016 VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	30.680.582	27.892.014
Ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	2.788.568
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành cuối năm	30.680.582	30.680.582

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng (1/1/2017: không).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

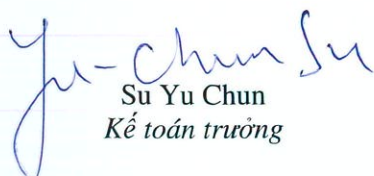
Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2017 VND	2016 VND	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	1.048.952.929.124	780.326.522.538	137.475.769.125	78.692.398.845
Phí bản quyền và phí UL (*)	2.045.680.807	1.640.183.708	150.438.927	165.587.527
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)				
Cung cấp dịch vụ	776.228.840	840.769.600	-	-
Mua nguyên vật liệu	301.608.241	297.376.248	70.896.280	44.404.690
Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Taya (Việt Nam)				
Cung cấp dịch vụ	13.200.000	40.700.000	-	-
Ban quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên Ban Tổng Giám đốc	1.667.334.500	1.684.992.060	-	-
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	2.837.093.729	3.292.428.000	-	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang – Chủ tịch	519.955.411	408.809.687	168.894.790	156.528.672

(*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. (một công ty liên quan), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL của 13 sản phẩm thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

